

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HSST

Ngày 27/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Bấy;

2. Bà Vũ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 27/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình s thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 3 n 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST - HS ngày 23/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/HSST-QĐ ngày 16/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn C, sinh n 1988; Tên gọi khác: Không; Địa chỉ: thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Sán Chí; G tính nam; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao đng tự do; Trình đ học vấn: 02/12; Con ông Hoàng Văn M và bà Hoàng Thị T; Vợ: Lâm Thị B; Con: Có 2 con, lớn sinh n 2014, nhỏ sinh n 2019; Tiền án, tiền s: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

2. Hoàng Thị B, sinh n 1964; Tên gọi khác: Không; Địa chỉ: thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Sán Chí; G tính nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao đng tự do; Trình đ học vấn: 0/12; Con ông Hoàng Văn C và bà Lý Thị Bình; ch: Hoàng Văn S; Con: Có 05 con, lớn sinh n 1984, nhỏ sinh n 1995; Tiền án, tiền s: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

3. Hoàng Thị Th, sinh n 1960; Tên gọi khác: Không; Địa chỉ: thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Sán Chí; G tính nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao đng tự do; Trình đ học vấn: 0/12; Con ông Hoàng Văn Kh và bà Trần Thị C; ch: Hoàng Văn Đ; Con: Có 04 con, lớn sinh n 1986, nhỏ sinh n 1993; Tiền án, tiền s: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C: Bà Giáp Thị V – Luật sư cộng tác viên của Trợ giúp pháp lý “có mặt khi tranh tụng, vắng mặt khi tuyên án”.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th: Ông Thân Văn

L - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang “có mặt”.

Nguyên đơn dân s: Ủy bn nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Do ông Lưu Anh Đ – Công tác tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện L là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Người có quyền l, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lâm Thị B, sinh n 1994 “vắng mặt”.
2. Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Lâm Văn L, sinh n 1960 “có mặt”.
4. Hoàng Thị X, sinh n 1971 “vắng mặt”.
5. Lâm Thị Th, sinh n 1979 “vắng mặt”.
6. La Thị C, sinh n 1984 “vắng mặt”.
7. Lâm Thị D, sinh n 1990 “vắng mặt”.
8. Cùng địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
9. Hoàng Văn T, sinh n 1983 “vắng mặt”.
- Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
10. Hoàng Văn Đ, sinh n 1962 “có mặt”.
11. Hoàng Thị Th, sinh n 1984 “vắng mặt”.
12. Hoàng Văn T, sinh n 1988 “vắng mặt”.
13. Hoàng Thị Th, sinh n 1990 “vắng mặt”.
14. Lý Thị N, sinh n 1965 “vắng mặt”.
15. Hoàng Văn Đ, sinh n 1992 “vắng mặt”.
16. Hoàng Văn S, sinh n 1986 “vắng mặt”.
17. Lý Văn H, sinh n 1987 “vắng mặt”.
18. Trần Thị C, sinh n 1985 “vắng mặt”.
19. Lâm Văn C, sinh n 1985 “vắng mặt”.
20. Lâm Thị N, sinh n 1978 “vắng mặt”.
21. Hoàng Thị C, sinh n 1989 “vắng mặt”.
- Cùng địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
22. Hoàng Thị Th, sinh n 1995 “vắng mặt”.
- Địa chỉ: Thôn Đảng, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
23. Hoàng Văn X, sinh n 1987 “vắng mặt”.
24. Lý Thị Đ, sinh n 1995 “vắng mặt”.
- Cùng địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
25. Hoàng Thị H, sinh n 1990 “vắng mặt”.
26. Lục Văn N, sinh n 1990 “vắng mặt”.
- Cùng địa chỉ: Thôn Na Hem, xã Hộ Đáp, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Hoàng Thị Th, sinh n 1977 “vắng mặt”.
- Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
27. Nguyễn Thị G, sinh n 1981 “có mặt”.
- Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/9/2010, Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định số 3024/QĐ-UBND về việc giao rừng và đất lâm nghiệp cho 113 hộ gia đình, cá

nhân thuộc xã S, huyện L với tổng diện tích là 297,286ha rừng và đất lâm nghiệp. Trong đó, diện tích có rừng tự nhiên là 198,194 ha, diện tích đất chưa có rừng là 99,092 ha. Thời hạn sử dụng rừng và đất lâm nghiệp là 50 năm, kể từ ngày 16/7/2010 đến ngày 16/7/2060.

Các hộ gia đình trên đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất đối với các diện tích đất rừng được giao ở trên với mục đích sử dụng đất là đất có rừng tự nhiên sản xuất, nguồn gốc sử dụng đất là Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Tuy nhiên, đến tháng 4, tháng 5 năm 2022, các hộ gia đình có diện tích đất rừng được giao ở trên đã có hành vi phá, hủy hoại rừng bằng việc phát hạ cây lâm sản trên diện tích đất rừng được giao để trồng cây keo phát triển kinh tế, Hạt kiểm lâm huyện L đã tiến hành kiểm tra xác định các hành vi vi phạm, sau đó bàn giao tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L điều tra. Quá trình điều tra đến nay Cơ quan điều tra đã xác định hành vi hủy hoại rừng tại các lô cụ thể như sau:

1. Vụ hủy hoại rừng xảy ra tại Lô 20, khoảnh 8 ở thôn Tr, xã S, huyện L. Về nguồn gốc diện tích rừng là của hộ ông Lâm Văn L, sinh năm 1965, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/8/2011 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 000035). Diện tích giao là 12.900m²; Loại rừng: Rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Năm 2014, ông L đã cho tặng con gái là Lâm Thị B, sinh năm 1994 hiện ở thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng tháng 4 năm 2022, thấy nhiều hộ gia đình ở thôn R, xã S, huyện L chặt phá cây rừng tự nhiên để lấy đất trồng cây Keo, Hoàng Văn C, sinh năm 1988, ở thôn Tr, xã S là con của Lâm Thị B có bảo với vợ: *“mọi người làm được thì mình cũng làm được, đây là đất Nhà nước đã giao cho gia đình bố mình quản lý sử dụng thì mình được phép chuyển sang trồng cây phát triển kinh tế”*, thấy C nói vậy B có nói với C: Để xem mọi người làm thế nào (tức là xem mọi người có làm được không). Thấy B không muốn làm nên C nhiều lần nói với B: *“mọi người làm được thì mình cũng làm được, đây là đất Nhà nước đã giao cho gia đình quản lý, sử dụng thì mình được phép làm”*. Thấy C nhiều lần nói vậy nên B phải nghe theo và cùng C đến lô 20, khoảnh 8 chặt phá cây rừng để lấy đất trồng cây Keo. C cùng vợ (B) chặt phá cây rừng được 01 (một) ngày thì thấy chặt phá lâu nên C đã bảo vợ đi thuê thêm 04 (bốn) người nữa để cùng chặt phá cho nhanh. Nghe theo lời C, Lâm Thị B đã tìm thuê 04 (bốn) người phụ nữ cùng ở thôn R, xã S gồm: Lâm Thị D, sinh năm 1990; Hoàng Thị X, sinh năm 1971; Lâm Thị Th, sinh năm 1979 và chị La Thị C, sinh năm 1984 đến chặt, phá cây rừng tại các lô 18, 20 khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S trong khoảng thời gian 02 đến 03 ngày thì xong. Sau khi chặt, phá xong C đưa tiền cho vợ (B) để trả tiền công cho những người đó với số tiền là 250.000đ/ người/ngày công, những người đi chặt thuê tự lo ăn uống. Tổng số tiền công C trả hiện không còn nhớ. Khi chặt phá cây rừng thì C, Lâm Thị B, Lâm Thị D, Hoàng Thị X, Lâm Thị Th và chị La Thị C sử dụng dao liềm phát để chặt phát những cây loại nhỏ và bụi dây. Số cây to còn lại C mượn cưa máy cầm tay của ông Hoàng Văn T, sinh năm 1983 (là cậu ruột của C) cùng ở thôn Tr, xã S, huyện L cắt phá hết. Sau khi phát trắng xong một thời gian thì không rõ ai đốt cây rừng đã cháy lan sang và cháy hết số cây đã bị chặt phá trên các lô 18, 20 khoảnh 8. Sau đó C đi sang thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng,

tỉnh Lạng Sơn mua cây Keo giống về cùng vợ trồng trong thời gian 03 (b) ngày thì xong.

Ngày 10/5/2022, Hạt kiểm lâm huyện L đã t hành lập biên bản kiểm tra về việc phá rừng trái phép tại lô 20 khoảnh 8: Diện t bị chặt phá là 12.900m² (một phần diện t chặt phá nằm trên lô 18, khoảnh 8 của hộ Hoàng Văn C); Tổng số cây bị phá các lô trên là: 387 (B trăm tám mươi bảy) cây, tổng khối lượng thiệt hại là: 50,096 m³.

Ngày 15/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện L phối hợp với các cơ quan có liên quan t hành xác định hiện trường để xác định diện t rừng đã chặt phá. Kết quả như sau: Hiện trường xảy ra vụ việc xác định tại lô 20 khoảnh 8 thuộc địa phận thôn R, xã S, huyện L. Hiện trường xảy ra vụ việc tiếp giáp các hướng sau: Hướng Đông tiếp giáp với lô 19, 21; hướng Tây tiếp giáp lô 14, 23; hướng nam tiếp giáp lô đất rừng lô 16, 22; hướng Bắc tiếp giáp lô đất rừng lô 18. Quá trình khám nghiệm hiện trường lực lượng khám nghiệm t hành kiểm đếm, đo đạc, ghi nhận, mô tả trực tiếp tại hiện trường. Bề mặt đất rừng có nhiều thân, cành cây ở trạng thái khô, cháy nằm rải rác trên bề mặt đất, cỏ dại mọc tự nhiên phát triển bthường; Khu vực rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang trong giai đoạn phát triển bthường, cây cao từ 30 đến 40cm. Kiểm tra thân gốc cây có kích thước (20-25)cm phát hiện có vết chặt nhám nhò theo nhiều chiều hướng khác nhau, số thân gốc cây có kích thước từ 25 đến 45cm có dấu hiệu sử dụng cưa máy, vết cưa trên thân gốc cây sắc gọn theo chiều đối lập nhau, tổng diện t rừng bị hủy hoại là 12.900 m². Quá trình kiểm đếm, đo đạc số lượng cây bị hủy hoại có sử dụng bảng biểu phân nhóm gỗ và đường kính.

Ngày 30/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 95/YC-CSĐT gửi Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình s huyện L, yêu cầu xác định giá trị thiệt hại của các cây lâm sản bị hủy hoại tại các Lô đất rừng thuộc thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 04/7/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình s huyện L, tỉnh Bắc Giang có Bản kết luận định giá tài sản số 94/KL-HĐĐGTS gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, kết luận: Giá trị bị thiệt hại của 387 cây lâm sản bị thiệt hại tại các lô số 18, 20 khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại thời điểm bị hủy hoại là **69.992.700đ** (s c triệu c trăm c mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Ngày 27/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện L thu giữ 01 (một) con dao liềm phát có chiều dài 60cm, trong đó có cán gỗ dài 19cm; Lưỡi dao phần mũi hình vòng cung, phần giữa có chiều rộng 3,5 cm. Trên thân dao có ghi tên “LA THỊ CHAI” do La Thị C, sinh n 1984, trú tại thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang tự giao nộp.

Ngày 28/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L phối hợp với các cơ quan chức năng cho bị can Hoàng Văn C xác định hiện trường nơi xảy ra, bị can C đã chỉ vị trí chặt phá rừng tại lô 20 khoảnh 8 và một phần diện t chặt phá nằm trên lô 18, khoảnh 8 của hộ Hoàng Văn C.

Căn cứ vào diện t rừng bị chặt phá, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L xác định hành vi của Hoàng Văn C đã cấu th tội: **“Hủy hoại rừng”** quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình s.

2. Vụ hủy hoại rừng xảy ra tại 02 (hai) lô 21, 22 khoảnh 8 thuộc thôn R, xã Xa Lý, huyện L:

Về nguồn gốc 02 lô đất rừng trên:

- Lô 21, khoảnh 8 của hộ ông Hoàng Văn S, sinh n 1963, ở thôn R, xã S, huyện L (ông S đã chết) được Ủy bn nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện t giao là 1,763 ha; Loại rừng: Rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo.

- Lô 22, khoảnh 8 của hộ ông Lý Văn Tòng, sinh n 1964, ở thôn R, xã S, huyện L (ông Tòng đã chết) được Ủy bn nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện t giao là 1,275 ha; Loại rừng: Rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. N 2015, anh Lý Văn H, sinh n 1987 ở thôn R, xã S, huyện L là con trai của ông Lý Văn Tòng chuyển nhượng lô 22, khoảnh 8 cho chị Lâm Thị N, sinh n 1977 ở cùng thôn với giá 11.000.000 đồng. N 2021, chị N chuyển nhượng lô đất này cho gia đình Hoàng Thị B, sinh n 1964 (là vợ ông Hoàng Văn S có địa chỉ nêu trên) với giá 19.000.000 đồng (Mười c triệu đồng).

Khoảng tháng 4 hoặc tháng 5 n 2022 (không nhớ ngày tháng cụ th), Hoàng Thị B thấy nhiều hộ gia đình trong thôn R, xã S, huyện L chặt phá rừng để lấy đất trồng cây Keo, nên Hoàng Thị B đã chỉ đạo các con của mình gồm: Hoàng Thị Th, sinh n 1984; Hoàng Văn T, sinh n 1988; Hoàng Thị C, sinh n 1989; Hoàng Văn Đ, sinh n 1992; Hoàng Thị Th, sinh n 1995 và con dâu là Hoàng Thị Th, sinh n 1990 (vợ Hoàng Văn T) đến lô 21, lô 22 khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S, huyện L để chặt phá cây rừng lấy đất trồng cây Keo. Khi chặt phá các con của Hoàng Thị B sử dụng dao liềm phát để chặt phát những cây loại nhỏ và bụi dây, số cây to còn lại Hoàng Văn Đ mượn cưa máy cầm tay của anh Hoàng Văn S, sinh n 1986 (là ch của Hoàng Thị Th) cắt phá. Cụ th:

- Lô 21 khoảnh 8: Hoàng Thị B chỉ đạo các con đẻ và con dâu gồm: Hoàng Thị Th, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị C, Hoàng Văn Đ và Hoàng Thị Th đến chặt phá cây rừng để lấy đất trồng cây Keo. Hiện cây Keo đã được trồng trên lô đất này.

- Lô 22 khoảnh 8: Hoàng Thị B chỉ đạo Hoàng Văn T và Hoàng Thị Th đến lô đất rừng này chặt phá cây rừng để lấy đất trồng cây Keo. Sau đó, Hoàng Thị Th có nhờ bà Lý Thị N, sinh n 1965 là mẹ đẻ và chị Trần Thị C, sinh n 1985 là chị dâu ở thôn R, xã S cùng đến lô 22 khoảnh 8 để chặt phá cây rừng lấy đất trồng cây Keo. Hiện cây Keo đã được trồng trên lô đất này.

Ngày 11/5/2022, Hạt kiểm lâm huyện L đã t hành lập biên bản kiểm tra về việc phá rừng trái phép tại lô 21 khoảnh 8: Diện t đám bị chặt phá tại lô 21 khoảnh 8 là 16.600m²; Tổng số cây bị chặt phá là: 284 (Hai trăm tám mươi tư) cây, tổng khối lượng thiệt hại là: 33,961 m³, có lập biểu tính trữ lượng, đ tán che cụ th kèm theo. Tại lô 21 khoảnh 8: Diện t đám bị chặt phá là 17.400m² (một phần diện t nằm trên lô 20, khoảnh 8); Tổng số cây bị phá các lô trên là: 363 (B trăm s mươi b) cây, tổng khối lượng thiệt hại là: 49,027 m³.

Ngày 15/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định hiện trường tại lô 21 khoảnh 8, kết quả như sau: Hiện trường xảy ra vụ việc xác định tại lô 17 khoảnh 8 thuộc địa phận thôn R, xã S, huyện L, được giao cho gia đình ông Hoàng Văn S, sinh n 1963. Hiện trường xảy ra vụ việc tiếp giáp các hướng sau: Hướng Đông tiếp giáp với lô 22; hướng Tây tiếp

giáp lô 19; hướng nam tiếp giáp lô 16, 13; Hướng Bắc tiếp giáp lô 18. Quá trình khám nghiệm hiện trường lực lượng khám nghiệm t hành kiểm đếm, đo đạc, ghi nhận, mô tả trực tiếp tại hiện trường. Bề mặt đất rừng có nhiều thân cành cây ở trạng thái khô, cháy, sản phẩm cháy nằm rải rác trên bề mặt đất, cỏ dại mọc tự nhiên phát triển bthường; kiểm tra thân gốc cây đã bị chặt phá có kích thước (10-25) cm phát hiện có vết chặt nham nhở theo nhiều chiều hướng khác nhau, số thân gốc cây có kích thước từ 25 đến 40cm có dấu hiệu sử dụng cưa máy vết cưa trên thân cành cây sắc gọn theo chiều đối lập nhau. Khu vực rừng bị hủy hoại thuộc rừng tự nhiên, tổng diện t rừng bị hủy hoại là 16.600 m². Quá trình kiểm đếm, đo đạc số lượng cây bị hủy hoại có sử dụng biên bản biểu phân nhóm gỗ và đường kính. Khu vực rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang trong giai đoạn phát triển bthường, cây cao từ 20 đến 25cm.

T hành xác định hiện trường tại lô 22 khoảnh 8, kết quả như sau: Hiện trường xảy ra vụ việc xác định tại lô 22 khoảnh 8 thuộc địa phận thôn R, xã S, huyện L, được giao cho gia đình ông Lý Văn Tòng, sinh n 1984. Hiện trường xảy ra vụ việc tiếp giáp các hướng sau: Hướng Đông tiếp giáp với lô 19, 21; hướng Tây tiếp giáp lô 14, 20; hướng nam tiếp giáp lô 13, 23; hướng Bắc tiếp giáp lô 18. Quá trình khám nghiệm hiện trường lực lượng khám nghiệm t hành kiểm đếm, đo đạc, ghi nhận, mô tả trực tiếp tại hiện trường. Bề mặt đất rừng có nhiều thân cành cây ở trạng thái khô, cháy, sản phẩm cháy nằm rải rác trên bề mặt đất, cỏ dại mọc tự nhiên phát triển bthường; kiểm tra thân gốc cây có kích thước (10-25) cm phát hiện có vết chặt nham nhở theo nhiều chiều hướng khác nhau, số thân gốc cây có kích thước từ 25 đến 40cm có dấu hiệu sử dụng cưa máy vết cưa trên thân cành cây sắc gọn theo chiều đối lập nhau. Khu vực rừng bị hủy hoại thuộc rừng tự nhiên, tổng diện t rừng bị hủy hoại là 17.400 m². Quá trình kiểm đếm, đo đạc số lượng cây bị hủy hoại có sử dụng biên bản biểu phân nhóm gỗ và đường kính. Khu vực rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang trong giai đoạn phát triển bthường, cây cao từ 30 đến 40cm.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 94 ngày 04/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình s huyện L xác định: giá trị bị thiệt hại của 284 (hai trăm tám mươi tư) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 22, khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại thời điểm bị hủy hoại là 65.220.500đ (S lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn n trăm đồng).

Giá trị bị thiệt hại của 363 (b trăm s mươi b) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 21, khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại thời điểm bị hủy hoại là 69.710.900đ (s c triệu bảy trăm mười nghìn c trăm đồng).

Căn cứ vào diện t 02 lô rừng bị chặt phá tại lô 21 khoảnh 8 và lô 22 khoảnh 8 nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã khởi tố bị can Hoàng Thị B về tội: “Hủy hoại rừng” quy định tại khoản 2 Điều 243 – Bộ luật Hình s.

3. Vụ hủy hoại rừng xảy ra tại Lô 17, khoảnh 8 của hộ ông Hoàng Văn Đ, sinh n 1962, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được Ủy bn nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000032 ngày 22/8/2011:

Khoảng đầu tháng 4 n 2022, Hoàng Thị Th, sinh n 1960, ở thôn R, xã S, huyện L thấy nhiều hộ gia đình trong thôn chặt phá cây rừng để lấy đất trồng cây Keo, Th cũng đến lô 17 khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S, huyện L là đất rừng được Nhà nước giao cho ông Hoàng Văn Đ (địa chỉ nêu trên) là ch của Th đứng tên

chủ quản lý sử dụng, diện tích giao là 1,679ha; Loại rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Thấy chị Lâm Thị Th, sinh năm 1979 ở cùng thôn đang sử dụng dao liềm chặt phát luống (chặt phát những cây loại nhỏ và bụi dây) một phần diện tích rừng của gia đình Th. Thấy vậy Th có bảo với chị Th là sao lại chặt phát nhằm sang đất rừng của nhà Th, chị Th có nói với Th là nếu nhằm thì cháu trả lại bà và chị Th dùng chặt phát trên lô 17 khoảnh 8. Sau đó Th trực tiếp nhờ bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn C 1, xã L, huyện L là thông gia với gia đình Th, cùng nhau đến lô 17 khoảnh 8 chặt phá cây rừng. Ban đầu Th và bà G sử dụng dao liềm chặt để chặt phát những cây loại nhỏ và bụi dây, số cây to còn lại về sau Th dùng cưa cầm tay cắt hết. Sau do lửa cháy lan từ các lô bên cạnh sang nên tổng số cây đã bị chặt phá tại lô 17 khoảnh 8 đã bị cháy, gia đình bà Th đã trồng cây Keo trên lô đất này.

Ngày 09/5/2022 Hạt kiểm lâm huyện L đã tiến hành lập biên bản kiểm tra về việc phá rừng trái phép tại lô 17 khoảnh 8: Diện tích đất bị chặt phá: 14.500m², tổng số cây trên lô rừng bị phá là 282 cây, có lập biểu tính trữ lượng, đốn tàn che cụ thể kèm theo.

Ngày 16/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với các cơ quan có liên quan, Hoàng Thị Th và chị Lâm Thị Th xác định hiện trường để xác định diện tích từng người đã chặt phá. Kết quả như sau: Hiện trường xảy ra vụ việc xác định tại lô 17 khoảnh 8 thuộc địa phận thôn R, xã S, huyện L. Hiện trường xảy ra vụ việc tiếp giáp các hướng sau: Hướng Đông tiếp giáp với lô đất rừng lô 9, lô 11; hướng Tây tiếp giáp lô đất rừng lô 13, lô 18, lô 16; hướng nam tiếp giáp lô đất rừng lô 19; hướng Bắc tiếp giáp lô đất rừng lô 15. Quá trình khám nghiệm hiện trường lực lượng khám nghiệm tiến hành kiểm đếm, đo đạc, ghi nhận, mô tả trực tiếp tại hiện trường. Bề mặt đất rừng có nhiều thân cành cây ở trạng thái cháy, khô, sản phẩm cháy nằm rải rác trên bề mặt đất, cỏ dại mọc tự nhiên phát triển bình thường; kiểm tra thân gốc cây có kích thước (10-25) cm phát hiện có vết chặt nhám nhòe theo nhiều chiều hướng khác nhau, số thân gốc cây có kích thước từ 25 đến 40cm có dấu hiệu sử dụng cưa tay vết cưa trên thân cành cây sắc gọn theo chiều đối lập nhau. Khu vực rừng bị hủy hoại thuộc rừng tự nhiên sản xuất, tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 14.500 m². Quá trình kiểm đếm, đo đạc số lượng cây bị hủy hoại có sử dụng biên bản biểu phân nhóm gỗ và đường kính. Khu vực rừng bị hủy hoại đã được trồng cây keo đang trong giai đoạn phát triển bình thường, cây cao từ 20 đến 30cm.

Ngày 19/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã cho bị can Hoàng Thị Th xác định hiện trường nơi xảy ra, bị can Th đã chỉ xác định đúng vị trí chặt phá, Hạt kiểm lâm huyện L đã đo bằng máy định vị GPS xác định Hoàng Thị Th và bà G chặt phá là: 9.720m², như vậy Hoàng Thị Th đã phá là 9.720 m².

Ngày 04/7/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Bắc Giang có bản kết luận định giá tài sản số 94/KL-HĐĐGTS gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, kết luận: Giá trị bị thiệt hại của 282 (hai trăm tám mươi hai) cây lâm sản bị thiệt hại tại lô số 17, khoảnh 8 thuộc thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang tại thời điểm bị hủy hoại là 69.856.900đ (sáu mươi chín triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Qua đấu tranh, Th và Th đã thừa nhận về hành vi vi phạm của mình. Riêng bà Nguyễn Thị G là do Th nhờ chặt phá hộ, bản thân bà G không biết về nguồn gốc lô đất rừng này như thế nào.

Hành vi của Hoàng Thị Th hủy hoại 5.140m² đã cấu th tội: “Hủy hoại rừng” quy định tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình s.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th đã th khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

4. Vụ hủy hoại rừng xảy ra tại Lô 13, khoảnh 11 của hộ ông Hoàng Văn Phận, sinh n 1957, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L. Diện t giao là 1,559ha; Loại rừng: Rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo.

Trong tháng 4 n 2022, Hoàng Văn X, sinh n 1987, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L thấy nhiều hộ gia đình trong thôn chặt phá cây rừng để lấy đất trồng cây Keo, X đã bảo vợ là Lý Thị Đ, sinh n 1995 cùng X đến lô 13 khoảnh 11 là đất rừng được Nhà nước giao cho ông Hoàng Văn Phận, sinh n 1957 là bố đẻ X đứng tên chủ quản lý sử dụng chặt phá lấy đất trồng cây Keo. Khi hai vợ ch X đang chặt phá thì có chị Hoàng Thị Th, sinh n 1977 trú tại thôn R, xã S, huyện L là chị gái ruột của X; Hoàng Thị H, sinh n 1990 hiện cư trú tại thôn Na Hem, xã Hộ Đáp, huyện L, là em gái ruột của X và Lục Văn N, sinh n 1990 trú tại thôn Na Hem, xã Hộ Đáp, huyện L, là em rể của X, khi thấy vợ ch X chặt phá rừng thì những người này đến giúp chặt phá hộ trong thời gian buổi sáng. Hai vợ ch X cùng nhau chặt, phá trong thời gian khoảng gần một tuần. Công cụ, phương tiện sử dụng để chặt phá là dao liềm phát chặt phá những cây loại nhỏ và bụi dây, về sau X sử dụng chiếc cưa cầm tay cắt phá những cây to còn lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với các cơ quan có liên quan, cho Hoàng Văn X xác định hiện trường đã chặt phá. Kết quả như sau: Diện t hai vợ ch Hoàng Văn X, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị H và Lục Văn N chặt phá là: 2.200m²; số cây rừng bị chặt phá là 60 cây, tổng khối lượng thiệt hại là: 8,138m³. Kết quả định giá tài sản cây rừng bị thiệt hại là: 15.209.100 đồng.

Từ tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định hành vi của Hoàng Văn X và Lý Thị Đ chưa đủ yếu tố cấu th tội: “Hủy hoại rừng” quy định tại khoản 1 Điều 243 – Bộ luật Hình s. Ngày 28/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có Công văn số 47/CV-CSĐT kèm theo hồ sơ chuyển Hạt kiểm lâm huyện L để xử lý vi phạm hành c Hoàng Văn X và Lý Thị Đ theo quy định của pháp luật.

5. Đối với vụ hủy hoại rừng tại các lô 9, 11 - khoảnh 11. Trong đó:

- Chủ được giao quản lý lô 9, khoảnh 11 là anh Lâm Văn Duyên, sinh n 1985, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L. Diện t giao là 1,96ha; Loại rừng: Rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Diện t bị chặt phá: 10.000m²;

- Chủ được giao quản lý lô 11, khoảnh 11 là ông Hoàng Văn Tác, sinh n 1975, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L. Diện t giao là 1,3ha; Loại rừng: Rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Diện t bị chặt phá: 9.600m².

Cơ quan điều tra t hành xác định hiện trường: Tổng số cây bị chặt phá hai lô trên là: 329 (B trăm hai mươi c) cây, tổng khối lượng thiệt hại là: 25,723 m³(Kết luận định giá tài sản xác định giá trị thiệt hại đối với số cây rừng bị chặt phá tổng là: 37.400.200 đồng).

Hai lô đất rừng trên đã chuyển nhượng cho ông Lâm Văn Hùng, sinh n 1970 ở thôn R, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên Quá trình điều tra đến nay chưa xác định được đối tượng thuê người chặt phá Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi chặt phá rừng của các đối tượng tại các lô 9,11 khoảng 11 để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

6. Đối với vụ hủy hoại rừng tại các lô 13, 16, 18 - khoảng 8. Trong đó:

- Chủ được giao quản lý lô 13, khoảng 8 là ông Hoàng Văn Thện, sinh n 1950, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L. Diện t giao là 1,8ha; Loại rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Diện t bị chặt phá: 3.900m²;

- Chủ được giao quản lý lô 16, khoảng 8 là bà Lâm Thị Đường, sinh n 1975, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L. Diện t giao là 1ha; Loại rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Diện t bị chặt phá: 8.700m²;

- Chủ được giao quản lý lô 18, khoảng 8 là ông Hoàng Văn Càn, sinh n 1955, trú tại: Thôn R, xã S, huyện L. Diện t giao là 1,6ha; Loại rừng tự nhiên quy hoạch là rừng sản xuất; Trạng thái: Rừng nghèo. Diện t bị chặt phá: 600m².

Hạt kiểm lâm huyện L phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an huyện L xác định: Tổng diện t đám bị chặt phá là 13.200m²; Tổng số cây bị chặt phá tại các lô trên là: 364 (B trăm s mươi tư) cây, tổng khối lượng thiệt hại là: 50,151 m³(Kết luận định giá tài sản số: 94/KL-HĐĐGTS ngày 04/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình s huyện L xác định giá trị ở thời điểm thiệt hại đối với số cây rừng bị chặt phá tổng là: 84.471.700 đồng).

Hiện các lô 13,16 khoảng 8 của các hộ: Hoàng Văn Thện và Lâm Thị Đường đã chuyển nhượng cho những người gồm: Lâm Văn Hùng, sinh n 1970 ở thôn R, xã S, huyện L; Vi Văn Trường, sinh n 1988 ở thôn Xạ To, xã Đèo Gia, huyện L và Dương Văn Làu, sinh n 1984 ở thôn Ruồng, xã Đèo Gia, huyện L từ đầu n 2022. Quá trình điều tra đến nay chưa xác định được đối tượng có hành vi chặt phá số cây rừng trên.

Lô 18, khoảng 8 của hộ ông Hoàng Văn Càn đã cho tặng cháu ruột là anh Hoàng Văn Hương, sinh n 1985 ở cùng thôn từ đầu n 2022. Theo lời khai anh Hương, diện t bị chặt phá tại lô đất rừng này là do người khác chặt phát lần, gia đình anh Hương không biết ai chặt phá diện t này. Đến nay Cơ quan CSĐT Công an huyện L chưa xác định được đối tượng hủy hoại rừng tại các lô 13,16,18 khoảng 8, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 20/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Thị B về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm đ, khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình s. Truy tố bị cáo Hoàng Thị Th về tội “Hủy hoại rừng” theo khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình s.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đúng như nội dung bản kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố là hoàn t đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện nguyên đơn dân sự là Ủy bn nhân dân huyện Lục Ngạn (do ông Lưu Anh Đ là người đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình s cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người người liên quan vắng mặt, công bố các kết luận giám định, kết luận định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm đ, khoản 2 Điều 243; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình s: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 26 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ vào điểm đ, khoản 2 Điều 243; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình s:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị B 03 (b) n tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 n kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 243; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình s:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th từ 22 tháng đến 26 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng đến 52 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng”. Về trách nhiệm dân s: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình s; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân s. Buộc các bị cáo phải bồi thường cho UBND huyện L, bị cáo Hoàng Văn C phải bồi thường 69.992.000đ; Bị cáo Hoàng Thị B phải bồi thường thiệt hại 134.931.400 đồng. Bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường thiệt hại 69.856.900 đồng. Số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục th hành án dân s được chuyển th tiền bồi thường dân s. Ngoài ra còn đề xuất về xử lý vật chứng và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C, Luật sư Giáp Thị V trình bày quan điểm bào chữa: Đồng ý quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, hình phạt đề nghị đối với bị cáo C. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo C được hưởng mức án nhẹ nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị B và Hoàng Thị Th, Trợ giúp viên pháp lý ông Thân Văn L trình bày quan điểm bào chữa: Đồng ý quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, hình phạt. Đề nghị áp dụng cho bị cáo Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th th tình tiết giảm nhẹ “phạm tội do lạc hậu” theo điểm m Điều 51 Bộ luật hình s và đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình s cho bị cáo Hoàng Thị B xử mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình s. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, đương sự không có người

nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan t hành tố tụng, người t hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan t hành tố tụng, người t hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận t bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, cùng t bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 04 đến tháng 05 n 2022, tại khu rừng thuộc thôn R, xã S, huyện L, có nguồn gốc là rừng tự nhiên, loại rừng sản xuất, mục đích sử dụng: Lâm nghiệp. Hoàng Văn C đã có hành vi hủy hoại 12.900m² rừng, trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 50,096 m³, trị giá thiệt hại là 69.992.700đ. Bị cáo Hoàng Thị B hủy hoại là 34.000m², trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là: 82,988 m³, trị giá thiệt hại là: 134.931.400 đồng. Bị cáo Hoàng Thị Th đã hủy hoại 9.720m², trữ lượng cây lâm sản bị hủy hoại là 39,529m³, giá trị thiệt hại là: 69.856.900đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình s. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế đ quản lý rừng của Nhà nước. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu th tội “Hủy hoại rừng”, bị cáo Hoàng Văn C và Hoàng Thị B theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình s và bị cáo Hoàng Thị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình s. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức đ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình s, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình s:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình s: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình s.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình s: Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên đơn dân s đề nghị xin giảm trách nhiệm hình s cho các bị cáo; riêng đối với bị cáo Hoàng Thị Th đã có ý thức bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình s.

Đối với bị cáo Hoàng Văn C: Sau khi phạm tội đã bồi thường khắc phục hoàn t thiệt hại gây ra nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình s. Do bị cáo C có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình s nên cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình s.

Đối với bị cáo Hoàng Thị B đã khắc phục được trên nửa số thiệt hại gây ra nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình s.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình s, tính chất mức đ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt; đều là người tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn trình đ nhận thức pháp luật phần nào còn hạn chế; các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình s; có nhiều tình tiết giảm nhẹ;

có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung và theo đúng quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình s về án treo. Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo Hoàng Thị B Điều 54 Bộ luật hình s; cho các bị cáo Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th đề nghị áp dụng cho hai bị cáo điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình s “Phạm tội do lạc hậu”; Áp dụng cho bị cáo Hoàng Thị B Điều 54 Bộ luật hình s. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo tuy sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đời sống của người dân còn khó khăn về kinh tế nhưng là nơi có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu cho cuộc sống như đ, các thiết bị công nghệ thông tin, tivi, mạng internet... để người dân có thể tiếp cận và được nghe phổ biến về các quy định pháp luật của Nhà nước thường xuyên qua mọi phương tiện nên chưa có căn cứ áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ “phạm tội do lạc hậu”. Đối với quan điểm đề nghị áp dụng cho bị cáo Hoàng Thị B Điều 54 Bộ luật hình s, xét tính chất mức đ của hành vi phạm tội của bị cáo B gây ra và mức bồi thường khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, các bị cáo đều là người dân tộc, kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân s:

Quá trình điều tra, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự là Ủy bn nhân dân huyện Lục Ngạn (do ông Lưu Anh Đ là người đại diện theo ủy quyền) yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo giá trị thiệt hại trên do các bị cáo gây ra theo kết quả định giá trên. Các bị cáo cũng đồng ý bồi thường thiệt hại như yêu cầu của UBND huyện L. Đối với bị cáo C thiệt hại bị cáo gây ra theo định giá trên là 69.992.700đồng nhưng do bị cáo đã nộp tại Chi cục th hành án số tiền 69.992.000đồng nên UBND huyện L đồng ý chỉ đề nghị bị cáo C bồi thường thiệt hại làm tròn số tiền 69.992.000đồng. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình s; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân s, buộc các bị cáo phải bồi thường cho UBND huyện L cụ th:

Bị cáo Hoàng Văn C phải bồi thường 69.992.000đ; Số tiền bị cáo nộp tại biên lai thu số 0004664 ngày 05/6/2023 tại Chi cục th hành án dân s huyện L được chuyển th tiền bồi thường dân s.

Bị cáo Hoàng Thị B phải bồi thường thiệt hại 134.931.400 đồng, số tiền 70 triệu bị cáo nộp tại hai biên lai thu số 0004690 ngày 21/7/2023 và biên lai thu số 0004692 ngày 26/7/2023 được chuyển th tiền bồi thường dân s. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho UBND huyện L số tiền 64.931.400đồng.

Bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường thiệt hại 69.856.900đồng, số tiền 10 triệu bị cáo nộp tại biên lai thu số 0004691 ngày 21/7/2023 được chuyển th tiền bồi thường dân s. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho UBND huyện L số tiền 59.856.900đồng.

Đối với số cây lâm sản bị hủy hoại nêu trên, ngày 03/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có Công văn số 56/CV-CSĐT về việc giao cho UBND xã S quản lý, bảo quản. Tại phiên tòa do các bị cáo không có

yêu cầu lấy lại, quan điểm của UBND huyện L sau sẽ tự xử lý đối với số cây lâm sản này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với tài sản là công cụ phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình s; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình s: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao liềm phát có chiều dài 60cm do La Thị C giao nộp. Đối với những con dao phát, cưa máy còn lại Cơ quan điều tra chưa thu giữ được, do các công cụ này đã bị hỏng, bị mất, các đối tượng không giao nộp được.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi hủy hoại rừng của Hoàng Văn X, sinh n 1987; Lý Thị Đ, sinh n 1995, nơi cư trú: Thôn R, xã S, huyện L, do diện t rừng các đối tượng hủy hoại đều dưới 5.000m², không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã có Công văn số 47/CV-CSĐT đề nghị Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành c về hành vi phá rừng, theo quy định.

Đối với Lâm Thị B, Lâm Thị D, Lâm Thị Th, La Thị C, Hoàng Thị X, Nguyễn Thị G, Hoàng Thị Th, Hoàng Văn T, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị C, Hoàng Văn Đ, Hoàng Thị Th, Lý Thị N và chị Trần Thị C, là những người được các bị cáo nhờ và thuê chặt phá rừng. Do không biết diện t rừng được các bị can nhờ, thuê chặt, phát là rừng sản xuất nguồn gốc là rừng tự nhiên nên không có căn cứ xử lý về hình sự đối với B, D, Th, C, X, G, Th, T, Th, C, Đ, Th, N, C.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người dân tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí cho các bị cáo theo quy định Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy bn thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo, các đương s có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình s.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm đ, khoản 2 Điều 243; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình s:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 02 (hai) n 03 (b) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 n 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ vào điểm đ, khoản 2 Điều 243; điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình s:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị B 03 (b) n tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 n kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 243; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình s:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th 02 (hai) n tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 n kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Hủy hoại rừng”.

Giao các bị cáo cho UBND xã S, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật th hành án hình s. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật th hành án hình s 02 lần trở lên, thì Tòa án có th quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân s: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình s; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân s.

Buộc các bị cáo phải bồi thường cho UBND huyện L cụ th:

Bị cáo Hoàng Văn C phải bồi thường 69.992.000đồng; xác định bị cáo đã bồi thường đủ số tiền này. Số tiền bị cáo nộp tại biên lai thu số 0004664 ngày 05/6/2023 tại Chi cục th hành án dân s huyện L được chuyển th tiền bồi thường dân s.

Bị cáo Hoàng Thị B phải bồi thường thiệt hại 134.931.400 đồng, đã bồi thường được số tiền 70 triệu đồng nộp tại hai biên lai thu số 0004690 ngày 21/7/2023 và biên lai thu số 0004692 ngày 26/7/2023 được chuyển th tiền bồi thường dân s. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho UBND huyện L số tiền 64.931.400đồng.

Bị cáo Hoàng Thị Th phải bồi thường thiệt hại 69.856.900 đồng, bị cáo đã nộp được số tiền 10 triệu đồng nộp tại biên lai thu số 0004691 ngày 21/7/2023 được chuyển th tiền bồi thường dân s. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho UBND huyện L số tiền 59.856.900đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình s; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình s: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao liềm phát có chiều dài 60cm. Trong đó có cán gỗ dài 19cm; Lưỡi dao phần mũi hình vòng cung, phần giữa có chiều rộng 3,5 cm. Trên thân dao có ghi tên “LA THỊ CHẢI”.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình s; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy bn thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình s sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, nguyên đơn dân s, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã S;
- Bị cáo; đương s;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Linh

